TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/ST–HNGĐ
Ngày 11 tháng 02 năm 2026
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hào và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2025/TLST–HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị V** – Sinh năm: 1990
Số CCCD: 040180007513.
Trú tại: Thôn T, xã N, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **Trần Văn D** – Sinh năm: 1985
Số CCD: 040085013476.
Trú tại: Thôn T 4, xã A, tỉnh Nghệ An – Hiện đang chấp hành án tại: Đội 2, phân trại số I, trại giam N, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt (Có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị V vắng mặt, tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị V trình bày:

Chị Bùi Thị V và anh Trần Văn D kết hôn ngày 31/01/2024, tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn, đến tháng 11/2024 anh D vi phạm pháp luật bị bắt, bị xử phạt tù nhiều năm và

hiện nay đang chấp hành án tại Đội 2, phân trại số 1, Trại giam Nghĩa An, tỉnh Quảng Trị. Chị V xét thấy, anh D đi chấp hành án nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ: Chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn D vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh D trình bày:

Vợ chồng anh kết hôn năm 2024, tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã A , tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian rất ngắn, đến tháng 11 anh bị bắt và phải đi chấp hành án tại Đội 2, phân trại số 1, Trại giam Nghĩa An, tỉnh Quảng Trị. Nay chị V làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng anh không có tài sản chung gì và không nợ ai. Do hiện nay anh D đang chấp hành án, không thể đến Tòa án tham gia các buổi làm việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

- Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Trần Văn D. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, hiện đang chấp hành án tại: Đội 2, phân trại số 1, trại giam N, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Trần Văn D kết hôn với nhau vào ngày 31/01/2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì đến tháng 11/2024 anh D vi phạm pháp luật bị bắt, bị Tòa án xử phạt tù nhiều năm và hiện nay đang chấp hành án tại đội 2, phân trại số 1, trại giam Nghĩa An, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại chị V không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt tại Tòa án, do anh D đang chấp hành án và có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị V và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị V và anh D đã sống ly thân, anh D phạm tội phải chấp hành án thời gian dài, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị V và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh D là đồng ý ly hôn với chị V.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Bùi Thị V và anh Trần Văn D không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Bùi Thị V và anh Trần Văn D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Tuyên xử:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Trần Văn D

**** Về án phí:*** Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0003109 ngày 24/11/2025 tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

**** Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 ;
- Phòng THADS Khu vực 9;
- UBND xã A, Nghệ An.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng